

Tăng tỷ trọng

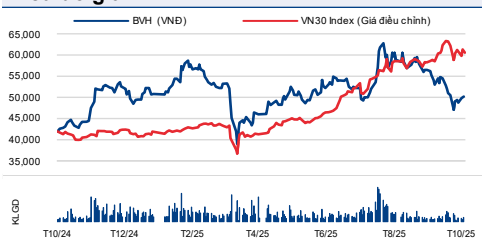
Giá mục tiêu: VNĐ64,600

Tiềm năng tăng/giảm: 27.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2025)	50,600
Mã Bloomberg	BVH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	39,100-62,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	50,125
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	37,562
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,427
Slg CP lưu hành (tr.đv)	742
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	364
Slg CP NN được mua (tr.đv)	163
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.0%
Tỷ lệ freefloat	10.0%
Cổ đông lớn	Bộ Tài Chính (65.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Phí BH gốc (nghìn tỷ đ)	42.6	45.0	49.2
DT thuần HDBH (ntđ)	39.8	42.0	45.8
CP trực tiếp HDBH (ntđ)	(40.8)	(39.5)	(43.1)
Lãi/lỗ gộp HD BH (ntđ)	(0.97)	2.44	2.80
LN HD tài chính (ntđ)	10.6	10.8	12.1
Lợi nhuận thuần (ntđ)	2.11	2.74	3.59
EPS (đồng)	2,786	3,620	4,736
DPS (đồng)	1,000	1,055	1,448
BVPS (đồng)	30,434	32,834	36,122
T.trưởng DT HDBH (%)	(0.55)	5.26	9.33
Tăng giảm BT & DP (%)	(4.74)	(4.93)	9.19
Tăng trưởng EPS (%)	18.3	29.9	30.8
Tăng trưởng DPS (%)	5.09	5.50	37.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	35.2	28.6	30.0
ROAE (%)	9.61	11.7	14.0
ROAA (%)	0.89	1.05	1.27
Vốn CSH/Tài sản (%)	8.99	8.92	9.13
Tỷ lệ tái bảo hiểm (%)	8.30	8.24	8.10
Tỷ lệ bảo hiểm giữ lại (%)	91.7	91.8	91.9
Tỷ lệ bồi thường (%)	92.2	83.2	83.1
P/E (lần)	17.8	13.7	10.5
P/B (lần)	1.66	1.54	1.40
Lợi suất cổ tức (%)	1.98	2.08	2.86

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

BVH là tập đoàn bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ hàng đầu Việt Nam

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q3 tăng mạnh 40%, sát với dự báo

- BVH đã công bố LNTT Q3 đạt 963 tỷ đồng (tăng 40%) nhờ thu nhập đầu tư tăng 19%, trong khi lợi nhuận mảng bảo hiểm đi ngang do tỷ lệ dự phòng và tổn thất cải thiện bị bù trừ với chi phí bán hàng & quản lý tăng lên.
- Doanh thu thuần thấp hơn dự báo với tổng phí bảo hiểm đi ngang do phí bảo hiểm nhân thọ giảm 4% và phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng khiếm tốn. Lợi suất đầu tư vượt dự báo của chúng tôi ở mức 5,7% (tăng 30 điểm cơ bản so với cùng kỳ và so với quý trước).
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 8,5% trong 1 tháng qua do thị trường điều chỉnh, BVH đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,42 lần, thấp hơn 0,8 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ trong khi hệ số ROE tiếp tục cải thiện. HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025 vào ngày 30/10/2025

BVH đã công bố LNTT Q3/2025 đạt 963 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ, nhờ thu nhập từ đầu tư tăng 19%, trong khi thu nhập mảng bảo hiểm (sau khi trừ chi phí bán hàng và quản lý) vẫn đi ngang so với cùng kỳ. Doanh thu thấp hơn dự báo và đi ngang so với cùng kỳ.

Phí bảo hiểm đi ngang so với cùng kỳ

Tổng phí bảo hiểm đi ngang so với cùng kỳ, thấp hơn dự báo do phí bảo hiểm nhân thọ giảm 4%, thấp hơn dự báo của chúng tôi. Trong 9 tháng đầu năm 2025, phí bảo hiểm nhân thọ của BVH tăng 2,2% so với cùng kỳ, cao hơn một chút so với ngành (tăng 0,3%). Doanh thu của cả BVH và toàn ngành đều thấp hơn dự báo của chúng tôi (khoảng 5%).

Phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng 4% so với cùng kỳ trong Q3/2025, thấp hơn dự báo của chúng tôi và tăng trưởng của thị trường (khoảng 10%). Tuy nhiên, nhờ phí nhận tái bảo hiểm tăng mạnh, tổng phí bảo hiểm phi nhân thọ & tái bảo hiểm đã tăng 10,9% so với cùng kỳ, sát với dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, doanh thu vẫn thấp hơn dự báo.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD, BVH

LNTT trong Q3 tăng 40% nhờ thu nhập từ đầu tư tăng

	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% HSCF
Phí BH nhân thọ	7,819	7,537	-3.6%	23,677	24,199	2.2%	71.6%
Phí BH phi nhân thọ & phí nhận tái BH	2,841	3,151	10.9%	7,921	8,550	7.9%	74.9%
Tổng phí BH	10,660	10,688	0.3%	31,598	32,750	3.6%	72.5%
Doanh thu phí BH	9,573	9,549	-0.2%	28,844	29,801	3.3%	72.4%
Tổng doanh thu mảng BH	9,747	9,750	0.0%	29,356	30,384	3.5%	72.4%
Lợi nhuận gộp mảng BH	-145	245	N/m	-1,036	1,414	N/m	58.0%
Lợi nhuận mảng BH (bao gồm chi phí BH&QL)	-1,941	-1,970	-1.5%	-6,130	-5,619	8.3%	75.0%
Tổng thu nhập từ đầu tư	2,952	3,514	19.0%	9,135	9,919	8.6%	75.4%
LNTT	688	963	39.9%	1,966	2,652	34.9%	76.6%
Các chỉ số	Q3/24	Q3/25	Thay đổi (điểm %)	9T24	9T25	Thay đổi (điểm %)	2025 HSCF
Tỷ lệ chi phí BH nhân thọ	101.4%	97.6%	-3.8	104.4%	94.3%	-10.1	92.4%
Tỷ lệ tổn thất BH phi nhân thọ	47.4%	45.5%	-1.8	46.5%	46.5%	0.0	48.1%
Tỷ lệ chi phí (gộp)	28.4%	33.6%	5.2	26.9%	33.2%	6.3	33.4%
Tỷ suất lợi nhuận H&KD BH (gộp)	-20.3%	-20.6%	-0.4	-21.3%	-18.9%	2.4	-18.2%
Lợi suất đầu tư	5.5%	5.7%	0.3	5.8%	5.5%	-0.3	5.5%

Nguồn: BVH, HSC

Mảng bảo hiểm đi ngang so với cùng kỳ

KQKD mảng bảo hiểm (trừ chi phí bán hàng & quản lý) đi ngang so với cùng kỳ ở mức âm 1,97 nghìn tỷ đồng, do sự cải thiện ở cả tỷ lệ chi phí bảo hiểm nhân thọ & tỷ lệ tổn thất phi nhân thọ bị bù trừ với sự gia tăng của tỷ lệ chi phí (đặc biệt là chi phí bán hàng & quản lý).

Tỷ lệ chi phí bảo hiểm nhân thọ (chi phí bồi thường cộng với chi phí dự phòng chia cho phí bảo hiểm nhân thọ) đạt 97,6% trong Q3/2025, giảm 3,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ nhưng tăng 5,7 điểm phần trăm so với quý trước, dưới kỳ vọng của chúng tôi.

Tỷ lệ tổn thất mảng bảo hiểm phi nhân thọ cải thiện 1,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ. Do BVH tập trung hơn vào các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cá nhân, nên mức độ cải thiện không đáng kể so với các công ty bảo hiểm khác tập trung vào sản phẩm bảo hiểm tài sản hoặc xe cơ giới, do không có mức nền thấp trong năm ngoái.

Thu nhập đầu tư tăng 19% so với cùng kỳ

Tổng thu nhập đầu tư (trước chi phí quản lý và lãi vay) tăng 19% so với cùng kỳ nhờ lợi suất đầu tư phục hồi 30 điểm cơ bản so với cùng kỳ và tiền mặt & tài sản đầu tư tăng 15% so với cùng kỳ.

Tổng tiền mặt & tài sản đầu tư đạt 250 nghìn tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ và tăng 8,5% so với đầu năm, sát với giả định của chúng tôi. BVH vẫn đang trong giai đoạn đầu của một công ty bảo hiểm nhân thọ với dòng tiền thuần từ HĐKD bảo hiểm nhân thọ là dương giúp tích lũy dần tài sản đầu tư.

Phân bổ tài sản đầu tư ổn định ở mức 55% tiền mặt & tiền gửi, 41% trái phiếu và phần còn lại là cổ phiếu & các khoản đầu tư khác.

Lợi suất đầu tư vượt giả định của chúng tôi, đạt bình quân 5,7% (tăng 30 điểm cơ bản so với cùng kỳ và so với quý trước). Lợi suất phục hồi so với quý trước nhờ lợi suất trái phiếu tăng 30 điểm cơ bản và lợi nhuận cổ phiếu mạnh mẽ (vượt dự báo), trong khi lợi suất tiền gửi đi ngang so với quý trước ở mức 5,5%, sát với dự báo.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 8,5% trong 1 tháng qua do thị trường điều chỉnh, BVH đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,42 lần, thấp hơn 0,8 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 1,66 lần, trong khi hệ số ROE đang có xu hướng cải thiện. HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HĐKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Phí bảo hiểm gốc	42.6	42.6	45.0	49.2	54.4
Phí nhận tái BH	0.21	0.22	0.20	0.21	0.22
Tăng/giảm dự phòng phí chưa được hưởng	(0.19)	(0.14)	(0.31)	(0.39)	(0.46)
Doanh thu phí BH	42.7	42.7	44.9	49.0	54.2
Phí nhượng tái BH	(3.32)	(3.54)	(3.70)	(3.97)	(4.27)
Doanh thu phí BH thuần	39.3	39.1	41.2	45.0	49.9
Doanh thu khác	0.74	0.70	0.78	0.82	0.88
Doanh thu thuần HĐ BH	40.1	39.8	42.0	45.8	50.8
Chi bồi thường bảo hiểm và dự phòng	(38.5)	(36.7)	(34.9)	(38.1)	(42.3)
Chi b.thường BH và chi trả đ.hạn khác (ròng)	(4.08)	(4.08)	(4.61)	(4.94)	(5.59)
Khoản giảm trừ chi phí, thu đòi và thu khác	0	0	0	0	0
Tổng chi phí trực tiếp HĐ BH	(42.6)	(40.8)	(39.5)	(43.1)	(47.9)
Lãi/lỗ gộp HĐ BH	(2.54)	(0.97)	2.44	2.80	2.85
Chi phí quản lý	(6.06)	(7.07)	(9.93)	(10.5)	(11.0)
Lợi nhuận HĐ tài chính	10.7	10.6	10.8	12.1	13.5
LN trong Cty LD, LK	0.10	0.09	0.09	0.09	0.09
Lợi nhuận khác	0.02	0.04	0.04	0.03	0.03
LNTT	2.24	2.66	3.46	4.56	5.49
Chi phí thuế TNDN	(0.38)	(0.47)	(0.64)	(0.87)	(1.04)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.08)	(0.08)	(0.09)	(0.11)	(0.12)
Lợi nhuận thuần	1.78	2.11	2.74	3.59	4.32
EPS (đồng)	2,404	2,843	3,694	4,833	5,820
DPS (đồng)	952	1,000	1,055	1,448	1,895
BVPS (đồng)	28,749	30,434	32,834	36,122	39,931
Slg CP bình quân (triệu đv)	742	742	742	742	742
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	742	742	742	742	742
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	742	742	742	742	742

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng phí BH gốc (%)	(0.75)	(0.11)	5.62	9.33	10.7
Tăng trưởng doanh thu phí BH thuần (%)	(1.41)	(0.55)	5.26	9.33	10.8
Tăng/giảm phí bồi thường và dự phòng (%)	6.61	(4.74)	(4.93)	9.19	11.1
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ tài chính (%)	32.6	(1.33)	2.37	12.1	11.3
Tăng trưởng LNTT (%)	11.3	19.1	30.0	31.7	20.3
Tăng trưởng lợi nhuận thuần (%)	15.1	18.3	29.9	30.8	20.4
Tăng trưởng tổng tài sản (%)	9.64	13.7	8.73	7.43	7.88
Định giá					
P/E (lần)	21.1	17.8	13.7	10.5	8.69
P/B (lần)	1.76	1.66	1.54	1.40	1.27
Lợi suất cổ tức (%)	1.88	1.98	2.08	2.86	3.74

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	4.78	1.46	2.71	4.94	5.46
Đầu tư ngắn hạn	102	104	116	118	127
Phải thu ngắn hạn	12.3	11.5	12.2	12.5	13.9
Hàng tồn kho	0.11	0.10	0.08	0.08	0.08
Tài sản tái BH	3.00	3.56	4.21	4.70	5.25
Tài sản ngắn hạn khác	0.66	0.67	0.68	0.69	0.76
Tổng tài sản ngắn hạn	122	121	136	141	153
Phải thu dài hạn	0.08	0.07	0.09	0.10	0.11
Tài sản cố định	2.24	2.13	1.97	1.97	1.97
Đầu tư vào Cty LD, LK	2.84	2.88	2.87	2.88	2.90
Đầu tư dài hạn khác	93.4	125	132	148	159
Tài sản dài hạn khác	0.18	0.22	0.23	0.20	0.22
Tổng tài sản dài hạn	98.7	130	137	153	164
Tổng tài sản	221	251	273	294	317
Nợ phải trả và VCSH					
Phải trả người bán	2.55	2.46	2.94	2.95	3.28
Phải trả người lao động	1.46	1.70	1.54	1.68	1.86
Phải trả hợp đồng repo	21.9	32.1	34.8	34.8	34.8
Doanh thu chưa thực hiện	0.49	0.64	0.54	0.49	0.55
Nợ ngắn hạn	3.37	2.91	3.49	3.49	3.49
Phải trả ngắn hạn khác	0.47	0.40	0.68	0.59	0.66
Nợ ngắn hạn khác	0.54	0.61	0.72	0.74	0.82
Tổng nợ ngắn hạn	30.8	40.8	44.7	44.8	45.5
Dự phòng nghiệp vụ BH	168	187	203	221	240
Nợ dài hạn	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Nợ dài hạn khác	0.29	0.31	0.32	0.35	0.38
Tổng nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	199	228	248	266	286
Vốn điều lệ	7.42	7.42	7.42	7.42	7.42
Thặng dư vốn cổ phần	7.31	7.31	7.31	7.31	7.31
Quỹ & quỹ dự trữ	3.06	3.85	4.84	5.99	7.50
Lợi nhuận giữ lại	3.55	4.01	4.80	6.09	7.41
Vốn chủ sở hữu	21.3	22.6	24.4	26.8	29.6
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.92	0.97	1.00	1.06	1.12
Tổng vốn chủ sở hữu	22.3	23.6	25.4	27.9	30.8
Tổng nợ phải trả và VCSH	221	251	273	294	317

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	0.84	0.89	1.05	1.27	1.42
ROAE (%)	8.55	9.61	11.7	14.0	15.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	39.6	35.2	28.6	30.0	32.6
Chỉ số an toàn vốn					
VCSH/Tài sản (%)	9.65	8.99	8.92	9.13	9.36
Tài sản BQ/VCSH BQ (x)	10.1	10.8	11.2	11.1	10.8
Chỉ số HĐKD bảo hiểm					
Tỷ lệ tái bảo hiểm (%)	7.77	8.30	8.24	8.10	7.89
Tỷ lệ bảo hiểm giữ lại (%)	92.2	91.7	91.8	91.9	92.1
Tỷ lệ bồi thường (%)	96.2	92.2	83.2	83.1	83.4
Tỷ lệ chi phí (%)	25.3	28.0	34.7	33.6	32.6
Tỷ lệ hỗn hợp (%)	121	120	118	117	116

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn